TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Phương;

2. Ông Nguyễn Minh Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 ngày 10năm 2025 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Trung T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số F Đ, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L *trình bày*:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, (nay là phường H), thành phố Hải Phòng vào ngày 19/5/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng cuối tháng 10/2024 cho đến nay. Vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thẫn vợ chồng không

thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Trung T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn là anh* Phạm Trung T*:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh; mặt khác, anh T cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh T1 vắng mặt.

- *Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Chị L và anh T là vợ chồng, quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được, tuy nhiên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được một thời gian. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Anh chị không có con chung; về tài sản chung: Địa phương không nắm được chị L và anh T có những tài sản chung gì.

- *Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng*:Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơnđã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử chị L được ly hôn anh Phạm Trung T; về con chung: anh chị không có con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật; về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, bị đơn là anh Phạm Trung T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại

phườngHồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tạikhoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đề nghịxét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Trung T vắng mặt mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ.Căn cứ vào Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ ánvắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T,quận H, (nay là phường H), thành phố Hải Phòng vào ngày 19/5/2023 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai về việc chị L có đơn xin ly hôn, nhưng anh T không hợp tác, cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có mặt tại phiên tòa. Điều này thể hiện anh T không có ý thức hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nênxử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Trung T2 phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị L xác nhận chị và anh T không có con chung nên Hội đồngxét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xétgiải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơnđược quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Trung T.

2. Về con chung: ChịNguyễn Thị Linh xác nhận chịLinh và anh Phạm Trung T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)*đồng theo Biên lai số 0005052 ngày 24 tháng 10 năm 2025của Thi hành án Dân sự thành phố H; chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Trung T (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngàykể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3 – Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Hải Phòng;
- UBND phường Hồng Bàng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Như